

**BỘ QUỐC PHÒNG  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ**



**NGỌ VĂN DUY**

**Đề tài: CỐ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ TÁC  
ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN  
TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU VII HIỆN NAY**

**HÀ NỘI - 2010**

**BỘ QUỐC PHÒNG  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ**



**NGỌ VĂN DUY**

**Đề tài: CỐ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ TÁC  
ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN  
TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU VII HIỆN NAY**

**Chuyên ngành : Kinh tế chính trị**

**Mã số : 62 31 01 01**

**HÀ NỘI - 2010**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau hơn hai mươi năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, DNNN cũng từng bước được đổi mới và dần dần khẳng định là bộ phận cấu thành quan trọng của thành phần KTNN, góp phần quan trọng để KTNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, một bộ phận không nhỏ DNNN đã không chuyển mình kịp để đáp ứng yêu cầu mới đặt ra, bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém cả về hiệu quả SXKD, sức cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế, làm hạn chế vai trò chủ đạo của KTNN đặc biệt là trong việc góp phần ổn định và điều tiết nền kinh tế vĩ mô của nhà nước.

Để phù hợp với sự vận động của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đồng thời cũng là để tháo gỡ những khó khăn, hạn chế nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò chủ đạo của DNNN trong nền kinh tế, trong những năm qua, DNNN đã được sắp xếp, đổi mới để nâng cao hiệu quả SXKD với một loạt các giải pháp trong đó có giải pháp CPH. Cổ phần hoá DNNN trong thời gian vừa qua về cơ bản đã bám sát và thực hiện đúng mục đích, yêu cầu do các Nghị quyết của Đảng đề ra là cơ cấu lại DNNN, giảm những DNNN quy mô quá nhỏ, kinh doanh thua lỗ, ở những lĩnh vực không nhất thiết phải có, để tập trung phát triển các DN lớn ở các lĩnh vực quan trọng, then chốt của nền kinh tế; hình thành loại hình DN đa sở hữu, thu hút các nguồn vốn xã hội vào phát triển kinh tế, có cơ chế quản lý năng động, hiệu quả hơn. Hầu hết các DNNN sau CPH đều có tốc độ tăng trưởng cao, hoạt động kinh doanh có hiệu quả (quy mô vốn, tỷ suất lợi nhuận, thu nhập của người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước đều tăng). Tuy nhiên, cổ phần hoá DNNN vừa qua thực hiện còn chậm và gặp không ít khó

khăn. Trong quá trình CPH, việc xác định giá trị DN thời kỳ đầu, khi chưa đầu giá giá trị DN còn sơ hờ, chưa tính đúng, tính đủ giá trị thương hiệu, lợi thế kinh doanh và nhất là chưa xác định đúng giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào giá trị DN, làm thất thoát tài sản nhà nước, làm giàu cho một số cá nhân, gây bức xúc trong xã hội. Đồng thời, quá trình CPH cũng làm xuất hiện những vấn đề mới trên các lĩnh vực của đời sống KT - XH tác động đến việc xây dựng nền QPTD và sự nghiệp BVTQ. Bên cạnh đó, việc huy động các nguồn lực cho thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền QPTD của các DNNN sau CPH cũng như thực trạng giải quyết mối quan hệ này trên phạm vi cả nước cũng như ở địa bàn Quân khu VII trên thực tế còn nhiều bất cập.

Quân khu VII là địa bàn có nhiều địa phương đi đầu và đạt được những kết quả quan trọng trong việc thực hiện CPH doanh nghiệp nhà nước ngay từ khi có chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề CPH. Đồng thời, Quân khu VII cũng là một trong những địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đây cũng là địa bàn hội tụ những vấn đề nổi bật cả về CPH doanh nghiệp nhà nước và xây dựng nền QPTD.

Vì vậy, một trong những yêu cầu đặt ra là tiếp tục làm sáng tỏ lý luận và thực tiễn về CPH doanh nghiệp nhà nước, về mối quan hệ giữa CPH doanh nghiệp nhà nước với xây dựng nền QPTD và thực trạng của vấn đề này nói chung cũng như trên địa bàn Quân khu VII nói riêng, từ đó đề xuất những quan điểm và giải pháp cơ bản để phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của CPH và sau cổ phần hoá DNNN đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn. Với lý do đó, tác giả chọn vấn đề ***“Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu VII hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sỹ kinh tế.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ**

### **\* Mục đích:**

Luận giải những vấn đề cơ bản về lý luận, thực tiễn CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền QPTD; Trên cơ sở đó xem xét những tác động của

CPH doanh nghiệp nhà nước và đề xuất quan điểm, giải pháp góp phần thúc đẩy quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước và phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ kết quả CPH đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII thời gian tới.

**\* *Nhiệm vụ***

- Luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền QPTD.

- Trên cơ sở những vấn đề chung đó, phân tích rõ thực trạng CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII.

- Đề xuất những quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước và phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ CPH đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***Đối tượng nghiên cứu*** là những vấn đề kinh tế và quốc phòng của quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước tại địa bàn Quân khu VII, và tác động hai chiều của quá trình đó đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu.

***Phạm vi vấn đề nghiên cứu:*** Xây dựng nền QPTD ở Việt Nam có nội dung rộng lớn và phong phú, nhưng luận án đi vào nghiên cứu những tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng lực lượng (cả hiện hữu và tiềm tàng) và một bộ phận của nội dung cấu thành thể trận QPTD đó là tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và phòng thủ dân sự trên địa bàn Quân khu VII. Thời gian khảo sát là từ năm 1992.

**4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp luận nghiên cứu**

***Cơ sở lý luận:*** luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về CPH, về xây dựng nền QPTD; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, của Đảng uỷ Quân khu VII, qui định của lãnh đạo và chính quyền các tỉnh trên địa bàn Quân khu có liên quan đến nội dung luận án.

*Cơ sở thực tiễn:* từ thực trạng CPH doanh nghiệp nhà nước và những tác động của nó đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu; tác giả nghiên cứu, khảo sát thực tế ở một số DNNN trên địa bàn, tham khảo các thông tin, số liệu ở một số công trình khoa học đã được công bố.

*Phương pháp luận nghiên cứu:* Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, luận án sử dụng phương pháp đặc thù của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Trên cơ sở đó sử dụng các phương pháp đặc thù của kinh tế chính trị và KTQS Mác - Lênin; kết hợp phương pháp logic và lịch sử, trừu tượng hoá khoa học, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, và một số phương pháp khác đang được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế.

### **5. Đóng góp mới của luận án**

- Chỉ ra nội dung tác động của quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD nói chung, từ đó đánh giá thực trạng tác động trên địa bàn Quân khu VII.

- Xác định quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm vừa thúc đẩy CPH doanh nghiệp nhà nước diễn ra theo đúng quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ CPH, sau CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII.

### **6. Ý nghĩa của luận án**

Những kết quả của luận án được rút ra từ nghiên cứu tại một địa bàn cụ thể (Quân khu VII), nhưng sẽ góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền QPTD của nước ta nói chung trong điều kiện hiện nay.

Luận án có thể làm tài liệu tuyên truyền hoặc tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy môn kinh tế chính trị, KTQS trong các nhà trường quân đội.

### **7. Kết cấu của luận án**

Gồm phần mở đầu; Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài; 3 chương (6 tiết); kết luận; danh mục các công trình của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

### *1. Một số tài liệu nghiên cứu nước ngoài về cổ phần hoá*

Cổ phần hoá và các vấn đề liên quan đến CPH trong lịch sử và hiện tại đã và đang được nhiều học giả thuộc các nhà tư tưởng tư sản và vô sản quan tâm nghiên cứu. Do những giới hạn về điều kiện xã hội - lịch sử, các nhà nghiên cứu trong lịch sử chưa có điều kiện để bàn về hiện tượng CPH, nhưng cũng được chứng kiến sự xuất hiện của các CTCP trong quá trình phát triển của CNTB nên đã có sự phân tích tương đối sâu sắc về hiện tượng ra đời và địa vị lịch sử của các CTCP trong nền kinh tế TBCN. Mặc dù, ở thời kỳ CNTB tự do cạnh tranh, sự xuất hiện của các CTCP không phải là hệ quả của quá trình CPH các công ty tư bản nhà nước mà là sự thành lập các CTCP từ các tư bản cá biệt làm cho tư bản mang tính chất tư bản xã hội ở những mức độ khác nhau.

Trong điều kiện CNTB đã phát triển thành CNTB hiện đại, trong nền kinh tế TBCN, đã xuất hiện sở hữu nhà nước - nhân tố tiền đề làm xuất hiện hiện tượng CPH doanh nghiệp nhà nước trong xã hội tư bản. Hiện tượng kinh tế này trở thành đề tài nghiên cứu cho nhiều học giả tư sản. Khi trong đời sống kinh tế thế giới xuất hiện các mô hình KTTT trong các nền kinh tế chuyển đổi, ở các nước XHCN đã thường xuất hiện những bài viết về CPH trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế theo mô hình KTTT. Trong các công trình nghiên cứu đó đáng chú ý là một số công trình nghiên cứu của các học giả Trung Quốc: “*Công cuộc vận động công ty hoá ở Trung Quốc: một sự đánh giá và những hệ quả về chính sách*” của TIAN ZHU - Trường đại học Khoa học và Kinh tế Hồng Kông (Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương). Ở công trình này, tác giả đánh giá cuộc vận động công ty hoá ở Trung Quốc dựa trên những vấn đề hiện tại của khu vực KTNN, để đưa ra hiện trạng về những vấn đề về bộ máy quản lý ngày càng xấu đi, sức ép về phúc lợi quá lớn cũng như cạnh tranh ngày càng tăng là những nhân tố góp phần làm cho khu vực DNNN ở Trung Quốc ngày càng thua lỗ; mặc dù việc xã hội hoá sức ép về phúc lợi xã hội có thể cải thiện sự lành mạnh về tài chính của các DNNN,

nhưng cuộc vận động công ty hoá trên quy mô lớn nếu không có các điều kiện cơ bản về thể chế đi kèm thì tự bản thân nó không thể xử lý được vấn đề một cách cơ bản đó là bộ máy quản lý. Tác giả đưa ra kết luận rằng, điều kiện quan trọng hàng đầu để tái cơ cấu thành công khu vực DNNN là phải có sự chuyển đổi cơ bản về sở hữu nhà nước và tạo lập bộ máy quản lý có hiệu quả, điều đó dẫn đến việc đòi hỏi phải phát triển các thể chế định hướng thị trường của quốc gia, đặc biệt là các thị trường tài chính và hệ thống pháp luật.

*“Tìm tòi việc thí điểm cải cách chế độ cổ phần”* của Lý Trường Hải; Nhân dân nhật báo ngày 4/4/1994 (Học viện Chính trị - quân sự). Trong bài viết này, tác giả đưa ra câu hỏi: làm thế nào để các xí nghiệp quốc doanh có thể chuyển đổi cơ chế kinh doanh về cơ bản. Theo tác giả, theo đuổi mục tiêu xây dựng chế độ xã hội hiện đại mà Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định cải cách xí nghiệp một cách sâu sắc mà chế độ CTCP (dụng ý chỉ sự cần thiết phải CPH) là hình thức tổ chức chủ yếu của chế độ xã hội hiện đại; xí nghiệp quốc doanh thực hiện chế độ cổ phần nhằm tới mục đích: bảo đảm chắc chắn nguồn vốn và gia tăng giá trị tài sản nhà nước; củng cố địa vị chủ thể của chế độ công hữu, phát huy tốt hơn tác dụng chủ đạo của kinh tế quốc doanh (DNNN). Quá trình thực hiện cải tổ kinh tế quốc doanh theo chế độ cổ phần trước hết phải làm tốt công tác bình xét đánh giá tài sản quốc hữu, không để thất thoát tài sản quốc hữu. Tác giả cũng chỉ ra: cải tổ chế độ cổ phần với xí nghiệp quốc doanh đã dẫn tới những biến đổi sâu sắc là: 1) Chuyển biến tác phong kinh doanh của DN; 2) Đổi mới quan điểm, tư tưởng của đội ngũ công nhân; 3) Hoàn thiện hơn nữa chế độ quản lý xí nghiệp; 4) Mở rộng không gian kinh doanh của xí nghiệp.

*“Những vấn đề khó khăn và viễn cảnh của công cuộc cải cách xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc”* của tác giả Trịnh Phúc Viên; đăng trên Tạp chí nghiên cứu “Trung công” (Đài Loan) số 9/1995. Trong đó tác giả đã phân tích những tệ nạn kéo dài lâu ngày trong quá trình cải cách, hoàn cảnh khó khăn gặp phải và những sách lược đổi mới của xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc. Theo bài viết, việc chuyển đổi các xí nghiệp quốc doanh thành CTCP bảo đảm: 1) Các công ty sản xuất các sản phẩm



đặc biệt và các xí nghiệp quốc phòng nên do một mình nhà nước đầu tư kinh doanh; 2) Những xí nghiệp cốt cán trong các ngành trụ cột và ngành cơ sở nhà nước phải không chế cổ phần và thu hút vốn tham gia cổ phần của các lực lượng ngoài quốc doanh; 3) Các CTCP hữu hạn trên thị trường chỉ chiếm số ít và nhà nước tăng cường kiểm soát; 4) Các tổng công ty ngành nghề có tính chất toàn quốc phải từng bước cải tổ thành các công ty không chế cổ phần.

Đáng chú ý tác giả chỉ ra quá trình CPH ở Trung Quốc đang gặp 4 trở ngại lớn đó là: sự thâm căn cố đế của quan niệm truyền thống; chức năng của chính quyền không dễ thay đổi; sự tồn tại của lực lượng lao động dôi thừa quá lớn; không có cách nào để giải quyết món nợ không lồ.

## ***2. Các công trình khoa học trong nước nghiên cứu về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước***

Trong những năm qua, ở trong nước đã có nhiều công trình liên quan đến CPH doanh nghiệp nhà nước được in thành sách chuyên khảo hoặc đăng trên các báo và tạp chí như:

“*Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước: kinh nghiệm thế giới*”, của Hoàng Đức Tảo, Nguyễn Tiến Sơn, Ngô Xuân Bình. Sách do Nhà xuất bản Thống kê, xuất bản năm 1993. Ở công trình khoa học này, các tác giả đã trình bày nội dung căn bản của việc chuyển đổi sở hữu các DNNN, nét đặc trưng của hiện trạng kinh tế quốc doanh các nước; mục tiêu, nguyên tắc, điều kiện và hình thức chuyển hoá sở hữu, kinh nghiệm chuyển hoá sở hữu ở các nước trên thế giới. Trong đó, tác giả làm rõ mục tiêu của việc chuyển đổi sở hữu đó là: 1) Nhanh chóng hình thành các DN ngoài quốc doanh, tạo ra các chủ thể kinh doanh khác nhau trên thị trường, thu hẹp và xoá bỏ tình trạng độc quyền của DNNN. 2) Thúc đẩy nâng cao hiệu quả kinh doanh của từng DN và toàn bộ nền kinh tế. 3) Bằng cách chuyển hoá sở hữu DNNN, buộc phải chuyển gán hết chức năng quản lý cho chủ sở hữu mà lâu nay bộ máy nhà nước vẫn phải đảm đương. Về điều kiện để chuyển đổi sở hữu, tác giả nêu ra: Sớm tạo ra cơ sở pháp lý và cơ sở phương pháp luận cho việc chuyển hoá sở

hữu DNNN; Phải xác lập chương trình tiến hành bao gồm những công việc chủ yếu như phân loại tài sản và DNNN theo qui mô và xác định tỷ trọng chuyển đổi sở hữu trong từng loại; Có sự quyết tâm cao của chính phủ và có sự thông hiểu của quần chúng. Về hình thức chuyển đổi theo tác giả đó là: Bán trọn gói; Thuê khoán và CPH, trong đó CPH được tiến hành rộng rãi hơn và có nhiều ưu điểm.

*“Khu vực kinh tế quốc doanh ở các nước đang phát triển”* do Đỗ Đức Định chủ biên. Sách do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 1990. Ở công trình này, tác giả đã phản ánh được những mặt chủ yếu về lý luận và thực tiễn liên quan đến thực trạng và giải pháp đối với khu vực kinh tế quốc doanh ở các nước đang phát triển, đặc biệt là các khu vực châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan... tác giả cũng chỉ ra một số kinh nghiệm nước ngoài, tổng kết những bài học và kinh nghiệm của các nước đồng thời phân tích thực trạng và giải pháp đổi mới xí nghiệp quốc doanh ở nước ta; qua đó nêu ra một số đề xuất bổ ích vào việc tìm kiếm giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của xí nghiệp quốc doanh ở nước ta trong đó có vấn đề CPH.

*“Cơ bản hoá doanh nghiệp nhà nước - những vấn đề lý luận và thực tiễn”* do PGS, TS Lê Hồng Hạnh chủ biên. Sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2004. Ở công trình khoa học này tác giả phản ánh tình hình DNNN ở các quốc gia và xu thế cải cách DNNN, những vấn đề lý luận và thực tiễn về DNNN ở Việt Nam, về CPH doanh nghiệp nhà nước, hoàn thiện nền tảng pháp lý cho CPH doanh nghiệp nhà nước. Khi luận giải về lý luận và thực tiễn CPH doanh nghiệp nhà nước, tác giả đã đi sâu phân tích những tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước: *Một là*, CPH có tác động làm cho sở hữu trong doanh nghiệp trở nên đa dạng hơn. Vì vậy, nó giải quyết được khá triệt để vấn đề sở hữu trong DNNN vốn gây ra những vướng mắc về hiệu quả và sự kém năng động trong SXKD; *Hai là*, CPH có tác dụng trong việc xã hội hoá tư liệu sản xuất trong các DN có sở hữu một chủ. Như vậy, các thực thể kinh tế vĩ mô cũng trở nên đa dạng sở hữu như bản thân nền kinh tế vĩ mô. Điều này tạo sự tương thích nhất định của các giải pháp quản lý vĩ